

Số: 1721/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 15 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 175/TTr-SNN&PTNT ngày 09/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn (KTV), kinh tế trang trại (KTTT) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND).

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND.

2. Quy định khu vực áp dụng; quy định đối với vườn, trang trại; quy định đối với các loại cây trồng được hỗ trợ, không được hỗ trợ

Thực hiện theo Điều 2 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND. Trong đó, các loại cây trồng được ngành nông nghiệp tỉnh khuyến cáo sản xuất là các nhóm cây

hàng năm, cây lâu năm theo quy định tại khoản 3, Điều 2 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND, đồng thời, là các loại cây trồng được nêu tại các Quyết định của UBND tỉnh: số 3710/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 2751/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 về ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Quảng Nam; số 2801/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 về ban hành danh mục cây dược liệu ưu tiên phát triển tại tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình thực hiện, nếu các địa phương có đề nghị bổ sung các loại cây trồng ngoài danh mục đã nêu tại các Quyết định trên, UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét quyết định và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

3. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND; trong đó, đất sản xuất của vườn, trang trại phải đảm bảo sử dụng ổn định, lâu dài tối thiểu từ 10 năm trở lên và ưu tiên hỗ trợ cho những vườn chưa được cải tạo, chỉnh trang, vườn có hiệu quả kinh tế thấp.

4. Nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND.

5. Trình tự thực hiện

Chủ vườn, chủ trang trại gửi hồ sơ đăng ký về UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) kiểm tra thực tế, xác nhận, tổng hợp gửi về UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) qua Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế) tổng hợp.

Căn cứ vào Đề án KTV, KTTT trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt, Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế chủ trì, phối hợp với các thành viên thuộc Hội đồng thẩm định tiến hành kiểm tra hồ sơ và thực tế; tổng hợp, tham mưu UBND cấp huyện kế hoạch vốn hàng năm trình UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) trước ngày 15/8.

Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh phí thực hiện. Sau khi có quyết định phân bổ kinh phí của UBND tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện.

UBND cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế là cơ quan chủ trì, tham mưu tổ chức thực hiện nguồn kinh phí hỗ trợ cho chủ vườn, chủ trang trại theo Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND. Việc giải ngân nguồn vốn hỗ trợ được dựa trên kết quả thẩm định, nghiệm thu của Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu.

6. Quy định về thành phần, nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu

Về thành phần Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu, các chức danh Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng do UBND cấp huyện quyết định nhưng phải đảm bảo 06 cơ quan, đơn vị sau: Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng/Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp huyện và lãnh đạo UBND cấp xã.

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm: Tổ chức thẩm định các nội dung, hồ sơ, thủ tục, kinh phí liên quan đến phương án/dự án sản xuất - kinh doanh của chủ vườn, chủ trang trại; Sơ đồ minh họa bố trí mặt bằng đối với chỉnh trang, cải tạo vườn hoặc hồ sơ thiết kế đối với trang trại, các báo cáo thuyết minh, dự toán kinh phí xây dựng các hạng mục, công trình, kinh phí mua máy móc, trang thiết bị do chủ vườn, chủ trang trại lập; các nội dung, hồ sơ, thủ tục liên quan cần thiết khác. Kết quả của Hội đồng thẩm định là cơ sở để UBND cấp huyện quyết định phê duyệt kế hoạch chi tiết và là căn cứ để thực hiện hỗ trợ, thanh quyết toán.

Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm: Tổ chức nghiệm thu các nội dung, hạng mục, công trình sau khi chủ vườn, chủ trang trại thực hiện hoàn thành việc đầu tư, xây dựng và có văn bản đề nghị nghiệm thu. Kết quả của Hội đồng nghiệm thu là căn cứ để thanh quyết toán các nội dung hỗ trợ cho chủ vườn, chủ trang trại.

7. Hồ sơ, thủ tục đăng ký

Chủ vườn, chủ trang trại lập các hồ sơ, thủ tục đăng ký theo quy định (*Kèm theo phụ lục I, II, III, IV*).

8. Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán

Công tác nghiệm thu, lập hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản liên quan khác và các quy định tại Quyết định này.

9. Hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán

Đơn đề nghị hỗ trợ của chủ vườn/chủ trang trại.

Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định.

Quyết định phê duyệt kế hoạch kinh phí chi tiết của UBND cấp huyện.

Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu.

Các văn bản, hồ sơ, thủ tục, hóa đơn, chứng từ khác có liên quan theo quy định.

Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng và những hàng hóa khác (do người dân trực tiếp làm ra) khi mua trực tiếp của người dân để sử dụng phục vụ sản xuất: UBND cấp huyện chỉ đạo cơ quan chức năng tham khảo, xác định giá để quyết định đơn giá hỗ trợ, đảm bảo phù hợp với giá thị trường tại thời điểm phê duyệt và phù hợp với phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, không để thất thoát, lãng phí nguồn vốn đầu tư; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn, khối phố nơi bán, được UBND cấp xã xác nhận.

10. Quy định chi tiết một số nội dung, hồ sơ thanh quyết toán

a) Đối với nội dung quy định về hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cho các sản phẩm từ KTV, KTTT (tại điểm d, khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND) và nội dung hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nông sản từ vườn, trang trại (tại điểm f, khoản 1, Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND) được thực hiện theo quy định tại điểm a và b, khoản 2, Điều 11 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 và Quyết định 3146/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh. Trong đó, đối với nội dung hỗ trợ về nhãn hiệu được thanh toán hỗ trợ khi có văn bản chấp nhận đơn hợp lệ của cấp có thẩm quyền.

b) Đối với nội dung quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND về hỗ trợ lãi suất tiền vay:

Thời điểm được tính để hỗ trợ lãi suất kể từ ngày được các Ngân hàng giải ngân vốn theo hợp đồng; kinh phí UBND tỉnh giao thực hiện năm nay được sử dụng để hỗ trợ cho lãi suất tiền vay năm trước của chủ vườn, chủ trang trại. Chủ vườn, chủ trang trại nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế; trên cơ sở đó Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch kiểm tra, tham mưu UBND cấp huyện quyết định hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí theo quy định. Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay mỗi năm được thực hiện 01 hoặc 02 lần (do UBND cấp huyện quyết định) nhưng phải trước ngày 31/12 hàng năm.

Hồ sơ thanh quyết toán: Hồ sơ thanh toán bao gồm các hồ sơ liên quan quy định tại khoản 9, Điều 1 Quyết định này và bản sao chứng thực hợp đồng vay.

c) Đối với nội dung hỗ trợ xây dựng công trình cấp nước quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND:

Việc kiểm tra để thống nhất loại công trình, số lượng công trình đưa vào kế hoạch thực hiện hàng năm được căn cứ vào hiện trạng công trình cấp nước hiện có (về số lượng, năng lực tưới của công trình cấp nước mà chủ vườn, chủ trang trại đã có); đối với các vườn, trang trại đã có công trình nước tưới chỉ hỗ trợ xây dựng các công trình cấp nước mới nhằm tăng cường năng lực tưới cho phần còn lại.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các hồ sơ liên quan quy định tại khoản 9, Điều 1 Quyết định này.

d) Đối với nội dung quy định (tại điểm a, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND) về hỗ trợ chỉnh trang, cải tạo vườn (loại bỏ cây tạp, cải tạo mặt bằng, làm tường rào, công ngõ để hình thành các vườn có hiệu quả kinh tế) và nội dung quy định (tại điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND) về hỗ trợ thực hiện thiết kế và cải tạo mặt bằng làm trang trại:

Chủ vườn, chủ trang trại trước khi thực hiện phải hoàn tất các thủ tục cấp phép theo các quy định liên quan đến công tác chỉnh trang, cải tạo vườn, cải tạo mặt bằng làm trang trại (nếu có); có sơ đồ minh họa bố trí mặt bằng để thực hiện chỉnh trang, cải tạo vườn, hồ sơ thiết kế đối với trang trại; dự toán chỉnh trang, cải tạo vườn, cải tạo mặt bằng làm trang trại được Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định. Tùy theo nhu cầu, chủ trang trại lập dự toán để nhận hỗ trợ toàn bộ kinh phí thiết kế hoặc cải tạo mặt bằng trang trại hoặc cả hai nội dung trên.

Chi phí thiết kế và cải tạo mặt bằng trang trại được xác định bằng chi phí xây dựng nhân với định mức chi phí tư vấn thiết kế xác định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các hồ sơ liên quan quy định tại khoản 9, Điều 1 Quyết định này; các hồ sơ, thủ tục cấp phép liên quan theo quy định (nếu có).

e) Đối với nội dung quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND về hỗ trợ xây dựng, lắp đặt các hệ thống tưới (tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm: Tưới nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm):

Mức hỗ trợ cho chủ vườn, chủ trang trại thực hiện theo điểm a, khoản 3, Điều 3 Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 559/QĐ-UBND); không áp dụng các điều kiện hỗ trợ liên quan tại điểm c, khoản 3, Điều 3 Quyết định số 559/QĐ-UBND đối với nội dung hỗ trợ này. Trong đó, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm, tưới ngầm nước bao gồm các thành phần chính như: Máy bơm; bể chứa; hệ thống đường ống dẫn nước và phụ kiện kèm theo; vòi phun, vòi nhỏ giọt; các phụ kiện khác như bộ lọc, van điều khiển, van xả khí, đồng hồ đo áp, thiết bị điều khiển từ xa (qua mạng internet, sms...). Ngoài ra, tùy theo thiết kế mà có thể có thêm các thiết bị phụ khác.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các hồ sơ liên quan quy định tại khoản 9, Điều 1, Quyết định này.

g) Đối với nội dung quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND về hỗ trợ giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất:

Định mức kinh tế - kỹ thuật làm căn cứ hỗ trợ giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT và cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Ít nhất sau 30 ngày tính từ thời điểm chủ vườn thực hiện việc trồng và trồng dặm, chủ vườn gửi văn bản đề nghị nghiệm thu đến Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế để tổng hợp và tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu. Tỷ lệ diện tích/số lượng cây trồng còn sống, sinh trưởng và phát triển ổn định phải đạt từ 85% trở lên so với tổng diện tích/số lượng cây phải trồng của dự án/phương án sản xuất - kinh doanh theo kế hoạch được duyệt thì chủ vườn đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các hồ sơ liên quan quy định tại khoản 9, Điều 1, Quyết định này.

h) Đối với nội dung quy định hỗ trợ kinh phí đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản tại trang trại (điểm b, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND):

Phương án/dự án sản xuất - kinh doanh của chủ trang trại phải nêu rõ về mục đích sử dụng, công suất thiết bị và các nội dung khác có liên quan.

Hồ sơ thanh quyết toán liên quan theo quy định tại khoản 9, Điều 1 Quyết định này.

i) Đối với việc hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất, bao gồm: Chi phí xây dựng chuồng trại, xây dựng ao nuôi/lồng nuôi, nhà lưới, nhà kính, hàng rào bảo vệ, nhà xưởng, nhà sơ chế, bảo quản, chế biến (điểm b, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND):

Chủ trang trại phải có hồ sơ đề xuất đầu tư xây dựng cho từng công trình như: Hồ sơ thiết kế, báo cáo thuyết minh và dự toán kinh phí chi tiết về xây dựng công trình. Các hồ sơ đề xuất này phải được Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định.

Hồ sơ thanh quyết toán quy định tại khoản 9, Điều 1 Quyết định này; các hồ sơ, thủ tục cấp phép liên quan theo quy định (nếu có).

11. Quy định khác

a) Các nội dung không quy định trực tiếp tại Quyết định này thì thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND; trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

b) Đối với chủ vườn, chủ trang trại đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 3361/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì vẫn được tiếp tục hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo kịp thời, đúng quy định. Định kỳ, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện đề theo dõi, chỉ đạo.

- Chủ trì tổng hợp và phối hợp với Sở Tài chính, các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hằng năm thực hiện Nghị quyết này.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch tổ chức thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, chủ vườn, chủ trang trại, các đối tượng liên quan khác về các nội dung liên quan đến KTV, KTTT; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về phát triển KTV, KTTT tại các địa phương trong và ngoài tỉnh.

- Chủ trì tham mưu công tác sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết này để báo cáo HĐND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh để thực hiện; hướng dẫn việc mua sắm máy móc, thiết bị và hồ sơ, thủ tục thanh, quyết toán các nội dung hỗ trợ theo quy định.

3. Sở Xây dựng phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các đơn vị, địa phương trong việc hướng dẫn thực hiện các dự án, phương án phát triển KTV, KTTT đảm bảo theo quy hoạch; hướng dẫn xây dựng, thẩm định các bản vẽ, hồ sơ thiết kế và cải tạo mặt bằng và các công trình hạ tầng liên quan phục vụ sản xuất của trang trại.

4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện chương trình xúc tiến thương mại, giới thiệu và quảng bá sản phẩm nông sản; hướng dẫn các địa phương, đơn vị, các cá nhân, tổ chức đảm bảo an toàn lưới điện khi thực hiện các phương án/dự án phát triển KTV, KTTT.”

5. Sở Khoa học và Công nghệ tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng, giới thiệu, chuyên gia khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, nhất là các công nghệ thân thiện môi trường, xử lý chất thải chăn nuôi, xử lý môi trường nuôi, sản xuất hữu cơ, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng biến đổi khí hậu; chú trọng khâu truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý; đăng ký nhãn hiệu và tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm liên quan. Tiếp tục hướng dẫn các địa phương trong việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm từ KTV, KTTT.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các địa phương, chủ vườn, chủ trang trại trong việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; công tác quản lý đất đai và tài nguyên liên quan; quản lý, hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường trong phát triển KTV, KTTT.

7. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch kết nối, hỗ trợ chủ vườn, chủ trang trại liên kết hình thành những khu/điểm du lịch sinh thái trong nông nghiệp, nông thôn dựa trên cơ sở phát huy thế mạnh về danh lam thắng cảnh, sản phẩm đặc trưng, đặc hữu của địa phương.

8. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền về phát triển KTV, KTTT.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tăng cường hướng dẫn các địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các Tiểu dự án, nội dung thành phần về phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; ưu tiên đào tạo lao động cho các ngành, nghề trực tiếp phục vụ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại.

10. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp đưa nội dung hỗ trợ phát triển KTV, KTTT gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để hỗ trợ phát triển KTV, KTTT.

11. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc các quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các nguồn vốn vay khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chủ vườn, chủ trang trại tiếp cận các nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển KTV, KTTT trên địa bàn tỉnh.

12. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Triển khai Đề án phát triển KTV, KTTT giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn cấp huyện đạt kết quả. Chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả trong việc quản lý, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND tại địa phương.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch dự toán kinh phí gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp theo thời gian quy định tại khoản 5, Điều 1, Quyết định này; đồng thời cân đối, bố trí thêm nguồn ngân sách địa phương, lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển KTV, KTTT tại địa phương.

- Chỉ đạo UBND cấp xã tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động Nhân dân cải tạo vườn tạp, phát triển KTV, KTTT; tuyên truyền các nội dung chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND và Quyết định này; tiếp nhận, hỗ trợ, hướng dẫn chủ vườn, chủ trang trại lập các hồ sơ, thủ tục đăng ký, thủ tục nhận hỗ trợ; các hồ sơ, thủ tục liên quan khác theo quy định; quản lý, theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện phát triển KTV, KTTT cho các đơn vị cấp trên theo quy định; nhân rộng các mô hình KTV, KTTT hiệu quả trên địa bàn.

- Kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch vùng huyện; trong đó, chú trọng các nội dung, nhiệm vụ quy hoạch liên quan đến việc triển khai Nghị quyết số 35/2021/NQ - HĐND.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực trồng trọt, xây dựng, tài nguyên và khoáng sản; chỉ đạo các Phòng, ban, đơn vị liên quan và UBND cấp xã phối hợp hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ chủ vườn, chủ trang trại; chỉ đạo kịp thời việc rà soát, thẩm định, lập/phê duyệt kế hoạch chi tiết, phân bổ kinh phí, nghiệm thu, hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ cho chủ vườn, chủ trang trại kịp thời, đúng quy định; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn đối tượng hưởng lợi sử dụng kinh phí hỗ trợ, các nguồn vốn vay đúng mục đích, hiệu quả.

- Công khai, minh bạch về chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ theo đúng quy định.

- Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất (theo yêu cầu) báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân nguồn vốn, những khó khăn, vướng mắc về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo; thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình hiệu quả trên địa bàn.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, Đoàn thể chính trị, chính trị - xã hội và các tổ chức hội từ tỉnh đến cơ sở

Tăng cường công tác phối hợp, thông tin, tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân mạnh dạn đầu tư phát triển KTV, KTTT, hình thành và phát triển các câu lạc bộ làm vườn, làm trang trại; hỗ trợ xây dựng, phát triển các tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất trong phát triển KTV, KTTT; giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND và Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Nam; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 3361/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- TT TU, TT HĐND; các Ban HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Chi cục PTNT;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I

DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CỦA CHỦ VƯỜN, CHỦ TRANG TRẠI

(Kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh /8/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Văn bản đăng ký thực hiện của chủ vườn, chủ trang trại (Phụ lục II).
2. Tờ khai kinh tế trang trại: Mẫu theo quy định tại Thông tư 02/2020/TTBNN&PTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. (Phụ lục III).
3. Dự án/Phương án sản xuất - kinh doanh (Phụ lục IV).
4. Bản sao các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất/thuê đất.
5. Các hồ sơ liên quan khác (nếu có).

Phụ lục II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Về việc hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại

Kính gửi:

- UBND huyện, thị xã, thành phố.....
- Phòng Nông nghiệp&PTNT/Kinh tế
- UBND xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên Chủ vườn/Chủ trang trại:.....

Căn cước công dân/CMND/ Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND); Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND.

Kính đề nghị UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét đưa vào kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế vườn/kinh tế trang trại, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Mô hình phát triển (vườn/trang trại¹):

.....

2. Địa bàn thực hiện (thôn/tổ, xã/phường/thị trấn, huyện/tx/tp):

.....

3. Quy mô diện tích (m²/ha):.....

4. Thời gian thực hiện:.....

.....

¹ Ghi rõ : Nếu vườn là vườn trồng loại cây trồng gì (vườn cây ăn quả, rau củ quả...? Trang trại thuộc loại nào theo quy định tại Thông tư 02/2020/TT-BNN&PTNT?

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

(Nội dung hỗ trợ phải phù hợp với từng đối tượng hỗ trợ và phải ghi cụ thể)

1. Hỗ trợ tập huấn:.....
2. Tham quan, học tập kinh nghiệm:.....
3. Hỗ trợ thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, tem điện tử:
4. Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nông sản:
5. Hỗ trợ lãi suất tiền vay:
6. Hỗ trợ xây dựng công trình cấp nước:
7. Hỗ trợ xây dựng, lắp đặt hệ thống tưới:
8. Hỗ trợ chỉnh trang, cải tạo vườn/trang trại:
9. Hỗ trợ giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất:.....
10. Hỗ trợ đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản tại trang trại:.....
11. Hỗ trợ xây dựng các công trình phục vụ sản xuất

III. CAM KẾT

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng như cơ chế đã quy định và cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO *(Chú ý phải có Dự án/Phương án sản xuất kinh doanh kèm theo)*

Danh mục các tài liệu có liên quan kèm theo gồm:/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

....., ngày..... tháng năm

Chủ vườn/Chủ trang trại

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

Phụ lục III

MẪU TỜ KHAI KINH TẾ TRANG TRẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI KINH TẾ TRANG TRẠI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Họ và tên chủ trang trại: Nam/Nữ

Chứng minh nhân dân /Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số
ngày cấp/...../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Tôi tự xác định cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đạt tiêu chí kinh tế trang trại với các thông tin như sau:

1. Địa chỉ trang trại:.....

2. Điện thoại Email (nếu có)

3. Loại trang trại:.....

4. Tên các sản phẩm chính của trang trại:

5. Tổng vốn đầu tư sản xuất kinh doanh (Bao gồm vốn đầu tư xây dựng (bao gồm giá trị đất, hoặc tiền thuê đất) và vốn thực hiện kinh doanh):.....

6. Diện tích đất sản xuất của trang trại:.....

7. Giá trị sản xuất kê khai:.....

8. Số lao động thường xuyên của trang trại:

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung kê khai trên ./.

....., ngày tháng năm

Chủ trang trại

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

MẪU PHƯƠNG ÁN/DỰ ÁN SẢN XUẤT - KINH DOANH

(Chủ vườn, chủ trang trại tùy vào nội dung, tính chất của phương án/dự án sản xuất – kinh doanh có thể điều chỉnh, bổ sung, lựa chọn các nội dung cho phù hợp)

PHẦN I GIỚI THIỆU CHUNG

I. TÊN DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

III. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ VƯỜN/TRANG TRẠI

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ

PHẦN II HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT

- Điều kiện thổ nhưỡng, đất đai, nguồn nước...
- Điều kiện hạ tầng sản xuất (giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước...)
- Tình hình nhân vật lực; máy móc, trang thiết bị sản xuất...
- Các điều kiện khác tác động đến việc triển khai thực hiện phương án/dự án; các nội dung liên quan khác.
- Những thuận lợi, khó khăn...

PHẦN III NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN/DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU (Nêu mục tiêu cụ thể):

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN/DỰ ÁN...

Nêu các nội dung/công việc cụ thể cần thực hiện để đạt các mục tiêu của phương án/dự án; mỗi nội dung thực hiện phải gắn với kế hoạch, lộ trình/thời gian thực hiện, dự toán toán kinh phí cụ thể cho từng công việc, giải pháp thực hiện... Một số nội dung chính được gợi ý:

1. Đối tượng cây/con cần thực hiện của phương án/dự án:
2. Về nội dung đầu tư:
 - Cây, con giống; vật tư phục vụ sản xuất.

- Về đầu tư chỉnh trang, cải tạo vườn (loại bỏ cây tạp, cải tạo mặt bằng, làm tường rào, công ngõ để hình thành các vườn có hiệu quả kinh tế); thiết kế và cải tạo mặt bằng làm trang trại. Cần có hồ sơ đề nghị cấp phép gửi cơ quan có thẩm quyền (nếu có); sơ đồ minh họa bố trí mặt bằng để thực hiện chỉnh trang, cải tạo vườn hoặc hồ sơ thiết kế đối với trang trại;...

- Về đầu tư kết cấu hạ tầng cơ bản như: hệ thống cấp nước, tưới nước (Sơ đồ/bản vẽ); xây dựng chuồng trại, xây dựng ao nuôi/lồng nuôi, nhà lưới, nhà kính, hàng rào bảo vệ, nhà xưởng, nhà sơ chế, bảo quản, chế biến... (cần có báo cáo thuyết minh; hồ sơ thiết kế)

- Về đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản tại trang trại. Thuyết trình rõ về: Chức năng, mục đích sử dụng, công suất thiết bị và các nội dung liên quan khác.

- Các nội dung đầu tư khác...

3. Khác...

III. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ, PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

- Trong đó cần thể hiện được: Tổng vốn thực hiện Dự án/Phương án, gồm:

- + Vốn xin hỗ trợ từ ngân sách nhà nước ? triệu đồng;
- + Vốn vay ? triệu đồng
- + Vốn tự có ? triệu đồng
- + Vốn hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác.....

- Phân kỳ/lộ trình đầu tư từng năm cho kế hoạch sản xuất của Dự án/Phương án và kế hoạch huy động vốn của chủ vườn, chủ trang trại.

PHẦN IV. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ